

Định hướng đào tạo giáo viên trung học phổ thông đáp ứng chuẩn đầu ra theo tiếp cận năng lực

Phạm Đình Tâm*, Nguyễn Thế Hưng**

*TS, ** PGS. TS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội
Received: 18/7/2024; Accepted: 28/7/2024; Published: 6/8/2024

Abstract: In the education and training process, teachers are a very important element. First of all, the teacher is the one who guides, organizes, controls and supports learners throughout the teaching process. Based on the analysis of some limitations in the capacity of high school teachers in meeting general education requirements according to the competency approach, the article proposes some orientations to approach teacher training to meet output standards. according to the capability approach

Keywords: Access to capacity; Teacher training; High school teacher; Professional capacity

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, người ta thường rất quan tâm đến phát triển năng lực (NL) cho người học. Tuy nhiên, trong quá trình GD và đào tạo, giáo viên (GV) là một thành tố rất quan trọng. Trước hết, GV là người hướng dẫn, tổ chức, điều khiển và hỗ trợ người học trong suốt quá trình DH. Người học chỉ có thể đạt được kết quả cao trong học tập, khi người dạy có đủ NL để tổ chức, kiểm soát tất cả các khâu của quá trình DH. Vì vậy, bồi dưỡng NL nghề nghiệp cho GV có ý nghĩa rất quan trọng.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Khái niệm về NL và NL nghề nghiệp

NL là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có hiệu quả”. NL có thể bao gồm các khía cạnh như kiến thức, KN, kinh nghiệm, tư duy sáng tạo, là kiến thức, khả năng, hành vi của một người hoặc một hệ thống để thực hiện công việc hay đạt được mục tiêu cụ thể.

Trên cơ sở nội hàm của khái niệm “Năng lực”, ta có thể xác định được một số đặc điểm của năng lực: (i) NL không phải chỉ là một thuộc tính, một đặc điểm nào đó của cá nhân mà nó bao gồm tổ hợp các thuộc tính nào đó của cá nhân; (ii) Khi con người chưa hoạt động thì năng lực vẫn còn tiềm ẩn. (iii) NL của con người không phải bẩm sinh, mà được được hình thành và phát triển trong quá trình sống.

NL nghề nghiệp GV là những kiến thức, KN và thái độ giúp đáp ứng thỏa mãn những yêu cầu xã hội và nghề nghiệp. Trong đó, những NL bảo đảm thành công cho hoạt động DH được gọi là “NL DH”.

Năng lực dạy học (NLDH) của GV bao gồm nhiều NL thành phần (i) NL chuẩn bị lập kế hoạch

DH môn học; (ii) NL lập kế hoạch DH môn học, bài học; (iii) NL tổ chức DH; (iv) NL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học và (v) NL quản lý hồ sơ DH

2.2. Một số hạn chế chủ yếu về NL GV THPT đáp ứng yêu cầu GD phổ thông theo TCNL

2.2.1. NL tìm hiểu người học và DH phân hóa

Phần lớn người dạy không nhận thức tầm quan trọng trong việc tìm hiểu người học sinh trong GD và DH.

Trong chương trình đào tạo (CTĐT) GV, nội dung này ít được chú trọng. Sinh viên ít được rèn luyện kỹ năng điều tra, khảo sát và tổ chức đánh giá việc tìm hiểu người học.

Nhu cầu hiểu biết người học trong DH phân hóa. Tuy nhiên, tư tưởng DH phân hóa chưa được phổ biến ở Việt Nam.

GV chưa nhận thức được tính tất yếu và ý nghĩa của DH phân hóa. Do vậy, không sử dụng các phương pháp DH phù hợp với từng đối tượng.

CTĐT GV không chú trọng đến việc rèn KN tìm hiểu, phân loại người học cho sinh viên.

2.2.2. năng lực dạy học(NLDH)

Sự yếu kém về NLDH biểu hiện ở cả khâu lập kế hoạch DH đến khâu tổ chức DH; từ xác định mục tiêu DH đến việc lựa chọn nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức DH, cũng như việc sử dụng các hình thức KTĐG kết quả học tập, GD của người học...

Các tiếp cận trong DH vẫn là tiếp cận nội dung, tập trung vào việc truyền thụ nội dung kiến thức, không chú ý đến việc dạy cách học, dạy tư duy nói riêng và PTNL nói chung cho người học. Chính vì vậy, KTĐG kết quả học tập, GD của người học chủ

yếu là kiểm tra kiến thức thuần túy, mà không có các tiêu chí đánh giá NL khác.

Không có kỹ năng (KN) phát triển chương trình DH, GD cho phù hợp (Chương trình GD địa phương và Chương trình GD nhà trường).

2.2.3. NLDH tích hợp

+ Tri thức khoa học của GV về các môn KHTN (Toán, Vật lý, Hóa học...) còn hạn chế.

+ Việc phổ biến quan điểm DH tích hợp cho GV chưa được rộng rãi và đầy đủ. Vì vậy, việc áp dụng vào thực tế DH còn nhiều bất cập.

+ Trước hết, chương trình Sinh học phổ thông hiện hành chưa thật sự được xây dựng theo quan điểm tích hợp. Do vậy, DH tích hợp không phải là một yêu cầu cấp bách đối với người dạy.

Ngoài ra, quan niệm của GV về DH tích hợp (yêu cầu, ý nghĩa DH tích hợp) chưa thật đúng và đầy đủ.

2.3. Một số định hướng tiếp cận đào tạo GV THPT đáp ứng chuẩn đầu ra theo TCNL

2.3.1. Phát triển NL xây dựng và trong phát triển CTĐT

Theo Từ điển GD học (2001), CTĐT là “Văn bản chính thức quy định mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nội dung kiến thức và kỹ năng, cấu trúc tổng thể các bộ môn, kế hoạch lên lớp, và thực tập theo từng năm học, tỉ lệ giữa các bộ môn, giữa lí thuyết và thực hành, quy định phương thức, phương pháp, phương tiện, cơ sở vật chất, chứng chỉ và văn bằng tốt nghiệp của cơ sở GD và ĐT”.

Một số người còn nhầm lẫn CTĐT với Nội dung kiến thức trong sách giáo khoa (ở bậc học phổ thông), trong giáo trình (bậc Cao đẳng và Đại học) hoặc nhầm lẫn với *Phân phối chương trình* hoặc *Kế hoạch GD - ĐT*. Thật ra, Chương trình GD gồm nhiều thành tố khác nhau. Chương trình GD thể hiện mục tiêu GD; Chuẩn kiến thức, kỹ năng; Phạm vi và cấu trúc nội dung GD; Phương pháp, hình thức GD; Cách thức KTĐG kết quả GD đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ GD (Luật GD, 2005). Như vậy xét về cấu trúc, Chương trình GD là tập hợp các yếu tố (mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, phương tiện GD, hình thức KTĐG kết quả GD...).

Ở bậc cao đẳng và đại học, chương trình có các cấp độ khác nhau. *Chương trình khung* chỉ thể hiện một cách khái quát về mục tiêu, số lượng môn học, nội dung cơ bản, thời lượng của từng môn học của một ngành, một khóa học; thứ tự thực hiện các học phần... *Chương trình chi tiết* thể hiện một cách chi tiết các thành tố của chương trình khung (cụ thể cho

từng học phần). Căn cứ vào Chương trình chi tiết, để xây dựng giáo trình, xác định phương pháp, hình thức, phương tiện DH cụ thể.

TCNL là xu thế hiện đại mà nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng trong việc xây dựng và trong phát triển CTĐT. Trong TCNL, mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa bằng hệ thống chuẩn đầu ra (Learning Outcomes). Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu chất lượng của người học sau khi kết thúc CTĐT đó. Chuẩn đầu ra bao gồm những *chỉ số* về phẩm chất, kiến thức, kỹ năng, hành vi và NL. Các chỉ số này có thể được quy trình hóa để rèn luyện theo một lộ trình hành động xác định. Như vậy, Chuẩn đầu ra đã chi tiết hóa các khối kiến thức, kỹ năng thành các *hoạt động*. Đến lượt nó, các hoạt động đó cũng lại được cụ thể hóa bằng các *hành vi* người học phải đạt được sau khi kết thúc CTĐT nào đó.

Chuẩn đầu ra của CTĐT GV THPT là hệ thống các yêu cầu cơ bản về phẩm chất đạo đức và NL GD mà sinh viên phải đạt được khi kết thúc khóa đào tạo trong nhà trường Sư phạm để có thể thực hiện được các nhiệm vụ, chức năng của người GV ở mức đạt yêu cầu tối thiểu.

Bên cạnh các chuẩn về *phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và NL nhận thức* - những kiến thức cần thiết cho GV Sinh học như kiến thức về Triết học, Phương pháp nghiên cứu khoa học, Tin học, Ngoại ngữ, các chuyên ngành Sinh học, kiến thức cơ sở về Sư phạm (GD học, Tâm lí học, Lí luận DH, ...), kiến thức nghiệp vụ đặc thù (PPDHc Sinh học phổ thông), thì GV phải đáp ứng được chuẩn đầu ra về *NL hành động* (các KN, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, cũng như các KN mềm...). Trong đó, (i) *KN nghề nghiệp*: KN tìm hiểu người học; KN lập kế hoạch GD, DH; Kỹ năng tổ chức thực thi kế hoạch DH và GD (xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, lựa chọn phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức DH... ; KN KTĐG kết quả học tập của người học; KN tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ... (ii) *KN mềm* (NL xã hội): KN hợp tác; KN giao tiếp; KN sử dụng CNTT; KN quản lí...

2.3.2. Phát triển NL tìm hiểu người học và môi trường GD

Có kiến thức, KN tìm hiểu người học và môi trường GD để DH và GD phù hợp, bao gồm: *NL* tìm hiểu cá nhân người học; *NL* tìm hiểu tập thể lớp; *NL* tìm hiểu môi trường nhà trường, *NL* tìm hiểu môi trường gia đình và *NL* tìm hiểu môi trường xã hội.

2.3.3. Phát triển NL GD

Có kiến thức, KN tổ chức quá trình GD hướng đến phát triển toàn diện nhân cách người học, bao gồm: *NL GD qua giảng dạy môn học; NL tổ chức và phát triển tập thể lớp chủ nhiệm; NL tổ chức hoạt động GD ngoài giờ lên lớp; NL giải quyết các tình huống GD; NL GD học sinh có hành vi không mong đợi; NL đánh giá kết quả GD; NL tư vấn, tham vấn cho học sinh; NL phối hợp với các lực lượng GD trong và ngoài nhà trường và NL quản lý và sử dụng hồ sơ GD*

2.3.4. Phát triển NL DH

Theo chuẩn nghề nghiệp GV, *NLDH là một trong những tiêu chuẩn của người GV, NLDH là một NL tổng hợp của nhiều NL và là NL quan trọng cần thiết của người GV, là một thành tố của NL sư phạm bao gồm: Xây dựng kế hoạch DH, đảm bảo kiến thức môn học, đảm bảo chương trình môn học, vận dụng các phương pháp DH, sử dụng các phương tiện DH, xây dựng môi trường học tập, quản lý hồ sơ DH, KTĐG kết quả học tập của học sinh*

Cấu trúc NL DH

Chuẩn nghề nghiệp GV THPT được xác định như sau: Có kiến thức, KN đáp ứng yêu cầu DH môn học trong chương trình GD THPT, bao gồm: Kiến thức, kỹ năng các khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng; Kiến thức, kỹ năng môn học sẽ dạy ở phổ thông; NL phát triển chương trình môn học; NL vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức DH bộ môn; NLDH phân hoá; NLDH tích hợp; NL lập và thực hiện kế hoạch DH; NL đánh giá kết quả học tập của học sinh; NL xây dựng và quản lý hồ sơ DH. Các kỹ năng người GV cần có trong NLDH được Bộ GD và ĐT quy định được trình bày cụ thể như sau:

- ◆ Kiến thức, kỹ năng các khoa học liên môn, bổ trợ, nền tảng
- ◆ Kiến thức, kỹ năng môn học sẽ dạy ở phổ thông
- ◆ NL phát triển chương trình môn học
- ◆ NL vận dụng phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức DH bộ môn
- ◆ NLDH phân hoá
- ◆ NLDH tích hợp
- ◆ NL lập và thực hiện kế hoạch DH
- ◆ NL đánh giá kết quả học tập của học sinh
- ◆ NL xây dựng và quản lý hồ sơ DH

2.3.5. Phát triển NL giao tiếp

Có kiến thức, KN giao tiếp để thực hiện tốt nhiệm vụ DH và GD, bao gồm: *NL giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ; NL giao tiếp trong các mối quan hệ xã hội; NL giao tiếp với học sinh.*

2.3.6. Phát triển NL đánh giá trong GD

Có kiến thức, KN đánh giá trong GD THPT, bao gồm: *NL tổ chức đánh giá trong GD; NL thiết kế các công cụ đánh giá kết quả GD và NL sử dụng các phần mềm hỗ trợ đánh giá*

2.3.7. Phát triển NL hoạt động xã hội

Có kiến thức, KN tham gia, vận động, tuyên truyền và tổ chức các hoạt động xã hội, gồm có: NL tham gia các hoạt động xã hội; NL vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội; NL tổ chức các hoạt động xã hội

2.3.8. Phát triển NL phát triển nghề nghiệp

Có kiến thức, KN tự đánh giá, tự học và NCKH để phát triển nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của GDPT, gồm có: NL tự đánh giá; NL tự học tập, bồi dưỡng; NL nghiên cứu khoa học

3. Kết luận

1) Các chuẩn nghề nghiệp của GV THPT chính là “thước đo” NL nghề nghiệp của GV trong bối cảnh thực tiễn GD.

2) Phần lớn GV phổ thông hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế trong việc đáp ứng yêu cầu GDPT. Đặc biệt là NL tìm hiểu người học và DH phân hóa, NLDH và NLDH tích hợp

3) Có 2 định hướng đổi mới trong đào tạo GV để đáp ứng chuẩn đầu ra theo TCNL: (i) Đào tạo GV dựa trên NL (TCNL) và (ii) Đào tạo GV là một nhà GD. Bên cạnh các chuẩn về phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và NL nhận thức, thi người GV phải đáp ứng được chuẩn đầu ra về NL hành động. Trong đó, (i) Kỹ NL nghề nghiệp và (ii) Kỹ năng mềm

Tài liệu tham khảo

1. Bộ GD và Đào tạo, Dự án phát triển GV THPT & TCCN, *Hướng dẫn áp dụng Chuẩn nghề nghiệp GV THPT vào đánh giá GV*, Nxb Đại học Sư phạm.

2. Debbie Candau, Jennifer Doherty, Robert Hannafin, John Judge, Judi Yost, Paige Kuni, 2007, *Intel teach to the future (Chương trình DH cho tương lai của Intel)*, NXB Thanh niên.

3. Lê Đình Trung, Phan Thị Thanh Hội (2016), *DH theo định hướng hình thành và phát triển NL người học ở trường phổ thông*, Nxb Đại học Sư phạm. Hà Nội

4. ACER, CITO, EST, NIER (2005), *Student questionnaire for PISA 2006*, OECD

5. Alnoor, A.G.; Yuanxiang, Guo; Abudhuim, F.S (2007), “*Assessment Mathematics Teacher’s Competencies*”.

6. OECD (2013), *PISA 2015- draft science framework*